

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM TÔN GIÁO CỦA HỒ CHÍ MINH

LÊ BÁ TRÌNH (*)

Bài viết góp phần làm rõ thêm những cơ sở của sự hình thành quan điểm về tôn giáo của Hồ Chí Minh. Theo tác giả, về mặt lý luận, quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo hình thành dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và quan điểm nhân dân cũng như tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người. Về mặt thực tiễn, quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo xuất phát từ truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc của nhân dân Việt Nam; đặc điểm về đời sống văn hóa, tinh thần và tâm linh của dân tộc Việt Nam; truyền thống văn hóa của gia đình; thực tiễn hoạt động cách mạng của Người; mối liên hệ giữa các tôn giáo với cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Quan điểm tôn giáo của Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa một cách sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa văn hóa Đông, Tây và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Chúng ta có thể tiếp cận cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành quan điểm tôn giáo của Hồ Chí Minh như sau:

1. Cơ sở lý luận

Một là, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo.

Kể từ khi tiếp cận lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy ở đó con đường cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh luôn đứng trên lập trường mácxít để luận giải các vấn đề của dân tộc và thời đại, trong đó có vấn đề về tôn giáo.

Với tư cách một hình thái ý thức xã hội, hơn nữa còn là một thực thể xã hội, tôn giáo tồn tại trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng

xã hội theo mô hình xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo có điểm tương đồng về mục tiêu, lý tưởng, đó là khát vọng giải thoát con người khỏi sự áp bức, bất công, khổ đau ở chốn trần thế, nên tôn giáo vẫn tồn tại cùng với chủ nghĩa xã hội. Ph.Ăngghen khẳng định: "Cả đạo Cơ đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ; đạo Cơ đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới này, ở việc tổ chức lại xã hội"(1).

Với bản chất khoa học và biện chứng, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, đấu tranh với tôn giáo là phải xây dựng một

(*) Thạc sĩ, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.22. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.663.

xã hội hiện thực mà ở đó, con người thoát khỏi những "đền bù hư ảo" và tìm thấy hạnh phúc một cách hiện thực, chứ không phải là sự phân biệt đối xử giữa người có tôn giáo với người không có tín ngưỡng, tôn giáo. V.I.Lênin khẳng định: "Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào, nghĩa là được làm người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần. Mọi sự phân biệt quyền lợi giữa những công dân có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau đều hoàn toàn không thể dung thứ được"(2). Với lập trường đó, các tôn giáo đều được đối xử bình đẳng và được tôn trọng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ không chấp nhận và chống lại việc sử dụng bạo lực hay lừa bịp lòng tin của quần chúng để truyền bá tôn giáo. Theo V.I.Lênin, "mỗi người đều phải được hoàn toàn tự do không những muốn theo tôn giáo nào thì theo, mà còn phải có quyền truyền bá bất kỳ tôn giáo nào hoặc thay đổi tôn giáo... Không có tôn giáo nào hay giáo đường nào là "có địa vị thống trị" cả. Tất cả mọi tôn giáo, mọi giáo hội đều phải được bình đẳng trước pháp luật"(3).

Về vấn đề đoàn kết quần chúng tín đồ các tôn giáo, xuất phát từ quan điểm coi quần chúng là sức mạnh vô địch của mọi cuộc cách mạng, quần chúng tín đồ các tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong quần chúng nhân dân, chủ nghĩa Mác - Lênin hết sức coi trọng việc xây dựng khối đoàn kết trong quần chúng

tín đồ các tôn giáo. Đối với tín đồ các tôn giáo, họ cần đến "sự đền bù hư ảo" của tôn giáo, khi họ chưa được giác ngộ trong nhận thức về bản chất, nguồn gốc của tôn giáo và do vậy, chưa được giải phóng hoàn toàn khỏi "sự mê muội" ấy thì không thể xếp họ thành một loại quần chúng riêng để đấu tranh. Việc thay đổi nhận thức, hành vi vốn đã ăn sâu trong đời sống tinh thần, tâm linh của họ là cả một quá trình, cần có thời gian và thực hiện bằng việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa vô thần chân chính, đồng thời với những cải biến cụ thể để thay đổi nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Trong quá trình ấy, số quần chúng tín đồ này phải thực sự được bình đẳng, tôn trọng, không được phân biệt đối xử; bởi đoàn kết là bản chất tốt đẹp của những người cộng sản chân chính.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Tôn giáo là một phạm trù lịch sử, ra đời, phát triển và biến đổi theo sự biến động của điều kiện kinh tế - xã hội. Trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò và tác động của mỗi tôn giáo đối với xã hội là không giống nhau; quan điểm, thái độ của chức sắc và tín đồ đối với các lĩnh vực xã hội cũng không hoàn toàn thống nhất. Vì vậy, phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết các vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

(2) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.12, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, tr.171.

(3) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.7, tr.212.

Đồng thời, cần phân biệt rõ ràng hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện tín ngưỡng trong tôn giáo. Mặt chính trị, ngoài việc thể hiện ước nguyện của tín đồ muốn giải phóng mình khỏi sự khổ ải ở chốn trần gian, trong đó có sự áp bức, nô dịch của các thế lực thống trị bóc lột, còn thể hiện ở sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động để chống lại sự nghiệp cách mạng của quần chúng nhân dân. Trên thực tế, hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen lẫn nhau. Có những lúc mâu thuẫn về mặt chính trị được các thế lực phản động ngụy trang bằng sự khác nhau về tư tưởng và ngược lại. Vì vậy, khi giải quyết các vấn đề về tôn giáo, cần phải phân biệt rõ mặt chính trị và mặt tư tưởng; phương pháp giải quyết phải đúng đắn, kịp thời, cương quyết nhưng không được nôn nóng, vội vàng và phải bảo đảm được yêu cầu đoàn kết rộng rãi giữa người có tín ngưỡng, tôn giáo với người không có tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy tinh thần yêu nước của các chức sắc và tín đồ chân chính, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp cách mạng.

Hai là, quan điểm nhân dân và tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và quan niệm truyền thống của dân tộc Việt Nam về dân, về quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh

quan niệm về con người, về nhân dân, về quần chúng nhân dân với ý nghĩa quan trọng nhất, nhất quán nhất và xuyên suốt trong toàn bộ hệ thống tư tưởng cũng như hành động cách mạng của Người. Hồ Chí Minh xem nhân dân là cội nguồn của lịch sử hình thành và phát triển dân tộc. Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi hành động cách mạng, là trung tâm của sự nghiệp cách mạng. Người cho rằng, "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"(4); đồng thời khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"(5).

Hồ Chí Minh luôn đánh giá đúng đắn lực lượng và sức mạnh to lớn của nhân dân: Không có lực lượng nhân dân thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong; có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy cũng làm được. Vì vậy, đường lối nhân dân, theo Hồ Chí Minh, là phải yêu nhân dân, kính trọng nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh, năng lực sáng tạo, năng lực cách mạng của nhân dân. Phải luôn gần gũi nhân dân, kịp thời nắm bắt nguyện vọng của

(4) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.276.

(5) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.698.

quần chúng nhân dân, hiểu rõ tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và hoàn cảnh của nhân dân để đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phát huy sáng kiến của nhân dân, đáp ứng lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần phải đoàn kết, tập hợp nhân dân thành tổ chức để phát huy lực lượng nhân dân như một sức mạnh nội sinh của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ và là điều kiện cơ bản để cách mạng thắng lợi. Theo Hồ Chí Minh, sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân, vì dân: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào..."(6). Với ý nghĩa đó, đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân. Từ quan điểm nhân dân nêu trên, Hồ Chí Minh quan niệm "dân" với biên độ rất rộng, đó là tất cả những ai thừa nhận mình là con dân nước Việt. "Toàn dân tộc", "gốc tích Việt Nam" là mẫu số chung được thể hiện trong tư tưởng đại đoàn kết toàn dân của Hồ Chí Minh. Người thường dùng những cách gọi chung: "đồng bào", "quốc dân đồng bào", "đồng bào yêu quý", "quốc dân Việt Nam"... để nói về khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc không có sự phân biệt giai cấp,

tầng lớp, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính, độ tuổi...; tất cả đều đoàn kết thành một khối thống nhất, lấy mục đích chung là giành độc lập dân tộc, xây dựng một cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân làm điểm tương đồng.

Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không phải là sách lược, mà là một chiến lược cách mạng lâu dài, nhất quán, có ý nghĩa sống còn, quyết định sự thành bại của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là sự đúc kết và hiện thực hóa nhu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành, vì quyền lợi của bản thân quần chúng. Với ý nghĩa đó, đoàn kết phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, tích cực của từng cá nhân và tập thể trong tổ chức, trong cuộc sống hằng ngày: đấu tranh khắc phục cái xấu, xây dựng cái tốt vì lợi ích chung...

Hồ Chí Minh đã sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam để đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Trải qua các giai đoạn cách mạng, Mặt trận được tổ chức dưới nhiều hình thức với những tên gọi khác nhau, ngày nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo. Đây là một phương thức tập hợp, xây dựng lực lượng nhân dân mang tính sáng tạo, độc đáo của Hồ Chí Minh

(6) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.2. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.181.

và cách mạng Việt Nam nhằm vun đắp, giữ gìn và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. Với tư tưởng "bốn phương vô sản đều là anh em", Hồ Chí Minh cho rằng trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng, quốc gia, dân tộc nào kết hợp được sức mạnh nội lực của mình là khối đại đoàn kết dân tộc với sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới, tức thiết lập được mối quan hệ đoàn kết quốc tế vững chắc thì sự nghiệp cách mạng sẽ sớm thành công. Vì vậy, đoàn kết dân tộc phải gắn liền với thực hiện đoàn kết quốc tế.

Có thể nói, các luận điểm trên đây của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo cùng với quan niệm về nhân dân và tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh chính là cơ sở lý luận cho sự hình thành quan điểm tôn giáo của Người.

2. Cơ sở thực tiễn

Một là, truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc của người Việt Nam.

Trong suốt chiều dài hàng nghìn năm lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, mỗi người Việt Nam đều hiểu mình là một cá nhân không thể tách rời trong tổng thể "đồng bào", đều có chung một cội nguồn con Lạc, cháu Hồng. Chính cội nguồn chung ấy là sợi dây thiêng liêng gắn kết các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước ở mọi thời đại. Mỗi người Việt Nam, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, thành phần xã hội...

đều ý thức được trách nhiệm của mình trước sự hưng vong của Tổ quốc. Đó là nhân tố tạo nên truyền thống yêu nước, yêu dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, mỗi khi đất nước lâm nguy vì họa ngoại xâm hoặc gặp thiên tai, mọi người Việt Nam chân chính đều sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng tư của mình, gạt ra ngoài sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng, thành phần, giai cấp, địa vị xã hội... cùng nhau đoàn kết hành động vì mục tiêu chung – bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Trong điều kiện khắc nghiệt về địa hình, địa vực, thời tiết, khí hậu, con người Việt Nam liên tục phải chống chọi với hạn hán, gió bão, lũ lụt. Để vượt qua những gian nan, thách thức ấy, người Việt Nam không có con đường nào khác là phải giữ vững sự cố kết cộng đồng. Đoàn kết dân tộc là sức mạnh nội sinh có tính quyết định về mặt lực lượng để chiến thắng thiên tai và kẻ thù ngoại xâm. Hồ Chí Minh đã tổng kết thành chân lý: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*".

Hai là, đặc điểm của đời sống văn hóa, tinh thần và tâm linh của dân tộc Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, đời sống tinh thần, tâm linh riêng tạo nên sự đa dạng, phong phú của truyền thống văn hóa Việt Nam. Trong quá trình chung lưng, đấu cật để đấu tranh bảo vệ sự trường tồn của dân tộc, nhân

dân Việt Nam đã tiếp nhận nhiều tôn giáo của phương Đông (Khổng giáo, Đạo giáo, Phật giáo...) và phương Tây (Công giáo, Tin lành...) hòa cùng với văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo bản địa (thờ cúng tổ tiên, đạo Cao đài, Phật giáo Hòa hảo...). Dù các tôn giáo có khác nhau về giáo lý và giáo luật, nhưng khi du nhập vào Việt Nam đều được tôn trọng, miễn là tôn giáo ấy không đối lập với đạo đức căn bản của dân tộc, không trái với thuần phong mỹ tục của nhân dân, không phản lại lợi ích của cộng đồng, của đất nước. Trong nhiều gia đình, các thành viên có thể theo các đạo khác nhau hoặc không theo đạo mà vẫn sống thuận hòa, không xích mích vì lý do tôn giáo. Có thể nói, sự khoan dung, tự tưởng tự do tín ngưỡng – những giá trị của truyền thống văn hóa dân tộc là cơ sở để xây dựng sự đoàn kết lương – giáo, đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Ba là, truyền thống văn hóa của gia đình.

Nghệ Tĩnh, quê hương của Hồ Chí Minh, là vùng đất có truyền thống kiên cường với những con người giàu lý tưởng, bản chất trung kiên, có nghị lực mạnh mẽ... Truyền thống ấy của quê hương đã góp phần hun đúc nên tính cách, lý tưởng của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh được sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa của gia đình đã tác động sâu sắc đến tư tưởng về văn hóa, đạo đức, tinh thần của Hồ Chí

Minh cũng như cách tiếp cận của Người đối với các quan điểm về văn hóa, tinh thần của dân tộc và khu vực, văn hóa đạo đức của các tôn giáo.

Bốn là, thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên, ra đi tìm đường cứu nước và trở về nước lãnh đạo cách mạng ở một thời kỳ lịch sử nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng đầy ắp những sự kiện, biến cố lớn: những cuộc chiến tranh và cách mạng, sự tan rã của chủ nghĩa thực dân, sự ra đời và tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, kể từ khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), thế giới dần hình thành hai cực, đối chọi quyết liệt về ý thức hệ tư sản - vô sản, xã hội chủ nghĩa - tư bản chủ nghĩa, duy tâm - duy vật, vô thần - hữu thần... Quá trình học tập và hoạt động thực tiễn ở trong nước, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận những giá trị văn hóa, đạo đức, nhân văn của văn hóa phương Đông, trong đó Nho giáo, Phật giáo cùng với các phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian bản địa đóng vai trò chủ đạo.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, thông qua con đường tự học tập, lao động, tìm kiếm những giải pháp cách mạng cho khát vọng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã chứng kiến tình trạng bị áp bức, bóc lột của những người lao động ở các nước tư bản và các nước thuộc địa. Đồng thời, Người cũng được tiếp xúc rất nhiều với các nền văn hóa và tư tưởng tiến bộ của các nước

phương Tây, trong đó có chủ nghĩa nhân văn của thời Phục hưng, của cách mạng tư sản Pháp, có giáo lý của đạo Công giáo. Sau khi trở về nước, Người đã trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta giành độc lập dân tộc, tiến hành thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước để giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước... Đó là cơ sở thực tiễn hình thành nên quan điểm tôn giáo của Hồ Chí Minh.

Năm là, mối liên hệ giữa các tôn giáo với cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, cùng với các phong trào của nhân dân nổi dậy chống thực dân và phong kiến, phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra ở miền Nam từ những năm 20 đến những năm 50 của thế kỷ XX đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhiều vị sư sãi, cư sĩ, phật tử yêu nước đã lấy ngọn cờ Phật giáo để tập hợp, đoàn kết các lực lượng quần chúng nhân dân vừa để chống lại thực dân Pháp, vừa tìm cách chấn hưng đạo Phật ở Việt Nam. Trong hàng ngũ giáo sĩ và giáo dân của đạo Công giáo cũng có nhiều người vừa giữ được đức tin tôn giáo của mình, vừa là những người dân yêu nước; họ đã có những đóng góp không nhỏ cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc hoặc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam trước ách đô hộ của thực dân, đế quốc.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta, trong đó có các tín đồ thuộc các tôn giáo, đã tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong quá trình tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nhằm giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, nhiều vị chức sắc, các tín đồ tôn giáo đã tích cực tham gia sự nghiệp cách mạng chung.

Đó là những cơ sở thực tiễn quan trọng góp phần vào sự hình thành quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức coi trọng việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó có bộ phận nhân dân theo các tôn giáo khác nhau, coi đó là một động lực quan trọng để tiếp tục công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”. Trong bối cảnh đó, việc làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành quan điểm tôn giáo của Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết, góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo quan điểm tôn giáo của Người nhằm hoạch định cũng như triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở nước ta hiện nay. □